

-(으)면

nếu, khi

Đặt ra một điều kiện. Ở đây tiếng Hàn không tách “nếu” với “hễ khi nào” — một đuôi dùng cho cả hai, và ngữ cảnh quyết định nên hiểu theo nghĩa nào.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-면	가다 → 가면
Kết thúc bằng phụ âm	-으면	먹다 → 먹으면
Kết thúc bằng ㄹ	giữ ㄹ, không thêm gì	만들다 → 만들면
이다	-(이)면	학생이면
Cho phép, bắt buộc	-(으)면 되다 / 안 되다	가면 돼요 / 가면 안 돼요
Mong ước	-(으)면 좋겠다	비가 오면 좋겠어요

Khi nào dùng

Dùng như điều kiện: 시간이 있으면 같이 가요. Dùng như sự kích hoạt lặp lại theo thói quen: 봄이 되면 꽃이 펴요 (hễ mùa xuân đến thì hoa nở). Tiếng Việt sẽ dùng “nếu” cho trường hợp đầu và “khi/hễ” cho trường hợp sau; tiếng Hàn coi đó là một mẫu duy nhất.

Cách kết hợp theo quy tắc phụ âm thông thường, và lần này ㄹ lại dễ: nó được giữ nguyên và không thêm gì: 만들다 thành 만들면.

Nó là nền tảng của nhiều mẫu câu thông dụng bạn sẽ sớm gặp: -(으)면 되다 (… cũng được, thế là đủ), -(으)면 안 되다 (không được) và -(으)면 좋겠다 (mong, ước gì). Nhớ chắc đuôi này sẽ giúp ích cho tất cả các mẫu đó.

Ví dụ trong câu

- 1** 시간이 있으면 연락 주세요.
Nếu có thời gian thì liên lạc với tôi nhé.
- 2** 비가 오면 안 갈 거예요.
Nếu trời mưa thì tôi sẽ không đi.
- 3** 봄이 되면 꽃이 펴요.
Mùa xuân đến thì hoa nở.
- 4** 한국에 가면 뭘 하고 싶어요?
Nếu đi Hàn Quốc thì bạn muốn làm gì?
- 5** 돈이 많으면 좋겠어요.
Ước gì tôi có nhiều tiền.
- 6** 이 버튼을 누르면 열려요.
Nhấn nút này thì nó sẽ mở ra.

So sánh với

-(으)ㄹ 때
-(으)면 đặt ra một điều kiện có thể xảy ra hoặc không; -(으)ㄹ 때 chỉ một thời điểm có thật. Với sự việc xảy ra một lần trong quá khứ, chỉ dùng được -(으)ㄹ 때.
한국에 가면 김치를 먹어요. (hễ đi Hàn Quốc là tôi ăn kimchi) / 한국에 갔을 때 김치를 먹었어요. (khi đi Hàn Quốc tôi đã ăn kimchi)

-아/어도
-(으)면 cho biết điều kiện dẫn tới kết quả; -아/어도 cho biết kết quả vẫn đúng bất kể điều kiện.
비가 오면 안 갈 거예요. (nếu trời mưa thì tôi sẽ không đi) / 비가 와도 갈 거예요. (dù trời mưa tôi vẫn sẽ đi)

-(으)니까
-(으)니까 coi mệnh đề đầu là sự thật đã rõ; -(으)면 để ngờ khả năng. Đổi chỗ hai cái sẽ biến một lý do thành một khả năng.
시간이 없으니까 택시를 탑시다. (vì không có thời gian) / 시간이 없으면 택시를 타세요. (nếu không có thời gian)

Lưu ý

- ✗ 제가 만들으면 드실래요?**
○ 제가 만들면 드실래요?
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ không thêm gì ở đây. Lưu ý điều này khác với -(으)니까, nơi ㄹ lại bị lược bỏ.
- ✗ 작년에 한국에 가면 김치를 먹었어요.**
○ 작년에 한국에 갔을 때 김치를 먹었어요.
-(으)면 mô tả điều kiện có thể lặp lại. Một sự việc đã xảy ra một lần cần dùng -(으)ㄹ 때 cùng dấu hiệu quá khứ.
- ✗ 내일 비가 왔으면 안 갈 거예요.**
○ 내일 비가 오면 안 갈 거예요.
Điều kiện trong tương lai vẫn giữ dạng thường. -왔/었으면 có tồn tại nhưng diễn tả mong ước, như trong 비가 왔으면 좋겠어요.